| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 571/2018/DS-PT
Ngày: 11/6/2018
*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Kim Anh.

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa
Ông Phạm Hồng Giảng

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Lê Quỳnh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Văn Kiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28, 31 tháng 5 và các ngày 7, 11 tháng 6 năm 2018, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 739/2016/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2016, về việc "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 276/2016/DS-ST ngày 07/11/2016 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1753/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3440/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

-*Nguyên đơn*: Ông **Đỗ Việt B**, sinh năm 1960 (có mặt).
Địa chỉ: đường C, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

-*Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Kim F**, sinh năm 1961 (vắng mặt).
Địa chỉ: đường G, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: đường I, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà **Vũ Thị Ngọc J**, sinh năm 1985 (có mặt).
Địa chỉ: đường G, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(theo Giấy ủy quyền số công chứng 22827, quyển số 12/TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 17/12/2009 tại Phòng Công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Luật sư **Nguyễn Văn K** - Công ty Luật L, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

*-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông **Lê Thanh M**, sinh năm 1958 (vắng mặt).
Địa chỉ: đường N, phường O, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Trần Thị Y**, sinh năm 1964 (vắng mặt).
Địa chỉ: đường N, phường O, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1957 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: đường Q, Phường R, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

*-Người kháng cáo*: Bị đơn bà F.

## NHẬN THẤY:

*Tại đơn khởi kiện ngày 15/8/2011 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông B trình bày:*

Thông qua việc làm ăn, ông B có quen biết bà F. Năm 2008, F có hỏi ông vay số tiền 5.300.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng. Do không có sẵn tiền, ngày 17/02/2009 ông có mượn từ ông M số tiền 5.300.000.000 đồng để đưa cho bà F vay, bà F đã nhận đủ tiền và ghi vào một tờ giấy dòng chữ "đã nhận đủ tiền" đồng thời ký, ghi rõ họ tên bên dưới. Sau đó ông ghi tiêu đề "Hợp đồng vay tiền" và các nội dung khác như số tiền vay 5.300.000.000 đồng, lãi suất 0.45%/ngày, thời hạn vay là 30 ngày và ghi ông M là bên cho vay, bà F là bên vay. Ông đã đưa Hợp đồng vay tiền trên cho ông M.

Do bà F không trả đủ số tiền vay nên phát sinh tranh chấp, tại Tòa án phía bà F thừa nhận ngày 13/3/2009 có đưa cho ông B số tiền 2.272.250.000 đồng, ông cũng ghi rõ nội dung số tiên trên là tiền bà F trả nợ vay 5.300.000.000 đồng, đồng thời khẳng định hoàn toàn không có nội dung cấn trừ số tiền 2.000.000.000 đồng và lãi suất 0.4%/ngày như phía bà F trình bày.

Ông B yêu cầu bà F phải thanh toán cho ông số nợ gốc là 3.027.750.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử là 2.805.787.000 đồng, tổng cộng là 5.833.537.000 đồng. Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 17/02/2009 thể hiện bà Loan có nhận số tiền 5.300.000.000 đồng và tại Giấy nhận tiền ngày

13/3/2009 ông B đã ký nhận số tiền 2.272.250.000 đồng từ bà F để trả nợ vay 5.300.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông B xác định số tiền 5.300.000.000 đồng là do ông vay của ông M để làm ăn riêng, không phải là tài sản của gia đình và không liên quan đến vợ ông là bà T.

Quá trình giải quyết vụ án, có lúc bà F cho rằng đã trả hết nợ gốc là 5.300.000.000 đồng trong đó tiền lãi là 596.250.000 đồng bà F còn nợ ông; có lúc bà F cho rằng đã cấn trừ vào số tiền ông còn thiếu là 3.424.000.000 đồng nên còn lại 2.272.250.000 đồng đã trả cho ông vào ngày 13/3/2009. Thực tế, khi trả cho ông số tiền 2.272.250.000 đồng, bà F đòi cấn trừ vào số tiền nợ gốc và lãi mà ông P còn nợ bà F nhưng ông B không đồng ý, nên bà F trả bao nhiêu thì ông ghi nhận bấy nhiêu từ số tiền nợ 5.300.000.000 đồng.

Đại diện bà F trình bày số nợ gốc còn lại là 3.027.750.000 đồng đã cấn trừ vào số tiền 2.000.000.000 đồng mà ông B vay bà F ngày 15/5/2008 và tiền lãi 303 ngày là không đúng. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay đại diện bà F cũng thừa nhận không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc cho ông B vay 2.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, do đó ông B đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của đại diện bị đơn, buộc bà F có nghĩa vụ thanh toán cho ông số nợ gốc chưa trả là 2.272.250.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định hiện nay là 9%/năm, tính đến thời điểm xét xử, cụ thể:

-Từ ngày 17/02/2009 đến ngày 13/3/2009 số tiền lãi là (5.300.000.000 x 0.0075 x 25/30 ngày = 33.125.000 đồng);

-Từ ngày 14/3/2009 đến ngày 14/10/2016 số tiền lãi là (3.027.750.000 x 0.0075 x 91 tháng = 2.755.252.500 đồng);

-Từ ngày 15/10/2016 đến ngày 07/11/2016 số tiền lãi là (3.027.750.000 x 0.0075 x 23/30 ngày = 17.409.563 đồng);

Tổng cộng số tiền gốc và lãi phải trả là (3.027.750.000 + 2.805.787.000 = 5.833.537.000 đồng), thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực.

***Tại các bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà F có bà J là đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Bà F không biết ông M là ai và cũng không vay tiền của ông M. Bà F chỉ biết ông B và vay tiền của ông B. Ngoài ra, phía bà F xác nhận ngày 17/02/2009 có vay của ông B số tiền 5.300.000.000 đồng. Sau khi vay, bà F có ghi vào một tờ giấy trắng nội dung "đã nhận đủ tiền" đồng thời ký ghi rõ họ tên F. Hợp đồng

vay tiền ngày 17/02/2009 mà phía nguyên đơn cung cấp, phía bà F cho rằng chỉ ký và ghi nội dung "đã nhận đủ tiền", những nội dung còn lại là do ông B tự viết thêm vào nên khẳng định hoàn toàn không có giao dịch vay tiền với ông M.

Ngày 13/3/2009, sau khi đối trừ công nợ, bà F tính chung số tiền phải trả (bao gồm cả nợ gốc và tiền lãi 25 ngày) cho ông B là 5.696.250.000 đồng. Ông B xác nhận ngày 13/3/2009 có nhận số tiền là 2.272.250.000 đồng, cấn trừ vào số tiền ông B nợ bà F cả vốn và lãi trước đó là 3.424.000.000 đồng (cụ thể ngày 15/5/2008 ông B có mượn của bà F số tiền 2.000.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất 0.4%/ngày, tính đến ngày 13/3/2009 số nợ gốc là 4.424.000.000 đồng, bà F bớt cho ông B 1.000.000.000 đồng, như vậy ông B còn nợ bà F 3.424.000.000 đồng và trừ đi 200.000.000 đồng).

Do hai bên đã đối chiếu xong công nợ nên bà F giao trả bản chính Giấy vay tiền 2.000.000.000 đồng cho ông B, nay không còn để xuất trình cho Tòa. Đối với số tiền 5.300.000.000 đồng, phía bà F xác định không vay của ông M và ông B đã ký nhận đủ số tiền bà F đưa nên không yêu cầu ông B đưa lại Giấy vay tiền ngày 17/02/2009. Lợi dụng sơ suất này của bà F, ông B đã điền tên ông M vào nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ 2.000.000.000 đồng mà ông B vay trước đó.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận vì bà F đã trả hết số tiền 5.300.000.000 đồng cho ông B thông qua việc cấn trừ số tiền ông B còn nợ bà F trước đó, hai bên đã đối chiếu công nợ xong. Số tiền còn lại là 2.272.250.000 đồng bà F đã đưa cho ông B bằng tiền mặt và ông B cũng đã ký nhận đủ bên dưới nên hai bên không còn nợ gì nhau. Do đó, phía bị đơn không có yêu cầu phản tố để đòi lại số tiền này.

Căn cứ vào Bảng đối chiếu công nợ và xác nhận của ông B đã nhận đủ số tiền 2.272.250.000 đồng ngày 13/3/2009. Ngoài ra, đại diện bị đơn xác định việc vay mượn, cấn trừ số tiền 5.300.000.000 đồng không liên quan đến ông P nên không có yêu cầu gì đối với ông P. Tại phiên tòa sơ thẩm, việc ông M rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện, đại diện bị đơn không có ý kiến vì bà F không quen biết ông M và cũng không vay tiền của ông M.

***Tại các bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông M trình bày:***

Ông và ông B là bạn bè. Ngày 17/02/2009, ông B có hỏi vay ông một khoản tiền 5.300.000.000 đồng cho người bạn để đáo hạn ngân hàng. Ông đồng ý đưa cho ông B số tiền 5.300.000.000 đồng và yêu cầu ai nhận vay tiền thì phải viết giấy nợ cho ông. Sau đó, ông B đưa cho ông Giấy vay tiền ghi ngày 17/02/2009 với nội dung bên vay là bà F, bên cho vay là ông (M), số tiền cho

vay là 5.300.000.000 đồng, lãi suất vay là 0,45%/ngày, thời hạn vay là 30 ngày. Quá thời hạn 30 ngày thì ông B thông báo cho ông biết bà F chỉ mới trả được số tiền 2.272.250.000 đồng, số nợ còn lại (kể cả tiền lãi) bà F không thanh toán nên ông và ông B có đến gặp đôn thời yêu cầu bà F thanh toán nhưng bà F không trả nên hai bên phát sinh tranh chấp. Ban đầu ông yêu cầu Công an phường H, Quận A can thiệp nhưng Công an cho biết đây là vụ án dân sự, không thuộc thẩm quyền của Cơ quan Công an nên ông đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận A yêu cầu bà F phải trả cho ông số nợ gốc còn lại 3.027.750.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2009.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông M xác định không quen biết bà F, không có thỏa thuận hay đưa số tiền 5.300.000.000 đồng cho bà F, thực tế là ông B trực tiếp hỏi vay và nhận tiền của ông. Giấy vay tiền ngày 17/02/2009 là do ông B đưa lại cho ông. Do đó, ông đã rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bà F. Khoản tiền 5.300.000.000 đồng mà ông đưa cho ông B, ông không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này; ông cũng không có yêu cầu gì đối với ông P.

***Tại các bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P có người đại diện theo ủy quyền là ông U trình bày:***

Ông P và ông B là bạn bè quen biết thông qua việc làm ăn. Vào đầu năm 2008, do thiếu vốn kinh doanh nên ông P có nhờ ông B vay giúp số tiền 1.500.000.000 đồng. Sau khi được ông B giới thiệu bà F, hai bên có ký kết Hợp đồng hợp tác sản suất kinh doanh trang trại nông lâm thủy sản trên đất của ông P tại xã V, huyện W, tỉnh X (Hợp đồng ngày 06/3/2008). Trên tinh thần hợp tác làm ăn, bà F có cho ông vay số tiền 1.900.000.000 đồng, không tính lãi suất để ông trả nợ cho ông B. Vì vậy ông P không còn nợ ông B nữa.

Ngày 21/01/2009, ông P có đưa cho ông B số tiền 1.000.000.000 đồng để trả cho bà F nên ông P chỉ còn nợ bà F 900.000.000 đồng.

Theo ông P, tranh chấp giữa ông M, ông B và bà F không liên quan đến ông nên ông không có ý kiến. Việc bà F tự ý tính lãi (12%/tháng) đối với số tiền ông còn nợ bà F là 900.000.000 đồng, sau đó cấn trừ cho ông M, phía ông P không đồng ý. Trường hợp bà F khởi kiện ông P về việc vay mượn giữa hai bên, ông sẽ trình bày ý kiến riêng.

***Tại các bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Y trình bày:***

Bà là vợ của ông M. Số tiền 5.300.000.000 đồng mà ông M đưa ông B để cho bà F vay là tài sản riêng của ông M, không liên quan gì đến bà nên bà không

có ý kiến và yêu cầu gì đối với các bên đương sự. Đồng thời, bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 276/2016/DS-ST ngày 07/11/2016, Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã:

Căn cứ Điều 5; Điều 6; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 79; Điều 91; Điều 92; Điều 94; Điều 95; Điều 147; Điều 184; Điều 227; Điều 228; Điều 244 và Điều 245 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 305; Điều 471; Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh Án phí, Lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông P, bà Y.

2. Về nội dung:

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B về việc buộc bị đơn bà F thanh toán số nợ gốc là 3.027.750.000 *(Ba tỷ không trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn)* đồng và tiền lãi phát sinh là 2.805.787.000 (*Hai tỷ tám trăm lẻ năm triệu bảy trăm tám mươi bảy*) đồng, tổng cộng là 5.833.537.000 đồng.

2.2. Buộc bà F có nghĩa vụ thanh toán cho ông B số tiền 5.833.537.000 (*Năm tỷ tám trăm ba mươi ba triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn*) đồng một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bà F chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2.3. Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông M về việc buộc bà F phải thanh toán số tiền 3.027.750.000 *(Ba tỷ không trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn)* đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất của ngân hàng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/11/2016, bị đơn bà F có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện dựa trên thừa nhận của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại Giấy nhận tiền ngày 13/3/2009 mà ông Hải ký nhận không có nội dung đối trừ công nợ như bị đơn trình bày. Tuy nhiên, sau đó ông B xác định có trách nhiệm liên quan đến khoản vay giữa ông P và bà F nên đồng ý trừ thêm số tiền 900.000.000 đồng mà ông P còn nợ bà F. Ông B sẽ tự liên hệ ông P để đòi số tiền này. Nay ông B thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc bà F thanh toán số nợ gốc là 2.127.750.000 đồng (5.300.000.000 - 2.272.250.000 - 900.000.000) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất Ngân hàng, tính từ ngày 17/2/2009 đến nay là 1.800.753.313 đồng, tổng cộng đến ngày 07/6/2018 là 3.928.503.313 đồng.

Bị đơn bà F do bà J là đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do đã thanh toán xong khoản nợ 5.300.000.000 đồng theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 13/3/2009. Nội dung Bảng này do kế toán của bà F ghi rõ hai khoản. Một khoản là 2.000.000.000 đồng ông B vay của bà F ngày 15/5/2008 và một khoản 5.300.000.000 đồng bà F vay của ông B ngày 17/02/2009. Việc nguyên đơn cho rằng khoản tiền 2.000.000.000 đồng nêu trên là bà F cho ông P vay, không liên quan đến ông B là không đúng, vì ông B là người trực tiếp nhận số tiền trên. Ngoài ra, tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông B đã thừa nhận vào ngày 13/3/2009 ông không đồng ý việc bà F cấn trừ số tiền 2.000.000.000 đồng, theo bà thông qua việc này ông B đã xác nhận khoản nợ.

Ngoài ra, bị đơn xác định không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn vì cho rằng sau khi cấn trừ nợ vào ngày 13/3/2009, hai bên không còn nợ nhau do đó không tranh chấp. Đối với ý kiến của ông P xác nhận số tiền 1.900.000.000 đồng là do ông vay và đồng ý thanh toán giúp bị đơn, phía bà J không có ý kiến vì xác định không liên quan. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, việc nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền 900.000.000 đồng mà ông P còn nợ bà F là không liên quan đến bị đơn vì bị đơn không cho ông P vay, chỉ biết ông B là người trực tiếp nhận 2.000.000.000 đồng và hai bên đã tất toán xong, không còn nợ lẫn nhau. Đại diện bị đơn cũng không đồng ý việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông P tại Bản tự khai ngày 05/12/2017 có ý kiến về số tiền 5.833.537.000 đồng mà bà F phải trả cho ông B theo Bản án sơ thẩm, ông sẽ có trách nhiệm trả cho ông B bằng cổ phần của ông P tại Công ty Z.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không đồng ý với ý kiến của ông P.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong suốt quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đồng ý chịu trách nhiệm đối với khoản nợ giữa ông P và bà F, nhưng không được người đại diện của bà F đồng ý. Điều này hoàn toàn phù hợp với nội dung cấn trừ tiền ngày 13/3/2009, theo đó hai bên không còn nợ lẫn nhau.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa;

Sau khi Hội đồng xét xử nghị án.

## XÉT THẤY

*Về hình thức*: Đơn kháng cáo của bị đơn bà F được làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 20151, đương sự đã đóng tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận về hình thức.

*Về nội dung*:

[1] Nguyên đơn ông B khởi kiện yêu cầu bà F trả số nợ gốc 3.027.750.000 đồng và tiền lãi 2.805.787.000 đồng, tổng cộng là 5.833.537.000 đồng, từ khoản vay 5.300.000.000 đồng ngày 17/02/2009. Căn cứ cho yêu cầu khởi kiện là sự thừa nhận và chữ ký đã nhận đủ tiền ngày 17/02/2009 của bị đơn bà F. Ngoài ra, ông B còn căn cứ vào Giấy nhận tiền ngày 13/3/2009 về việc đã nhận số tiền 2.272.250.000 đồng từ bà F trong khoản nợ 5.300.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông B thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, xác định có trách nhiệm liên quan đến khoản vay giữa ông P và bà F nên đồng ý trừ đi số tiền 900.000.000 đồng mà ông P còn nợ bà F. Nay ông B yêu cầu bà F thanh toán số nợ gốc là 2.127.750.000 đồng (5.300.000.000 - 2.272.250.000 -

900.000.000) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất Ngân hàng từ ngày 17/02/2009 đến nay là 1.800.753.313 đồng, tổng cộng tính tới ngày 07/6/2018 là 3.928.503.313 đồng. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì lý do đã thanh toán xong khoản nợ 5.300.000.000 đồng, căn cứ vào Giấy nhận tiền ngày 13/3/2009 cùng với nội dung đã cấn trừ 2.000.000.000 đồng mà ông B mượn bà F ngày 15/5/2008 được xem là đối trừ xong công nợ giữa hai bên. Bị đơn cho ông B vay tiền và trực tiếp giao số tiền 2.000.000.000 đồng cho ông B. Do đó, vấn đề Hội đồng xét xử đặt ra là cần xem xét Giấy nhận tiền ngày 13/3/2009 có được xác định là biên nhận đối trừ công nợ để thanh toán xong số tiền 5.300.000.000 đồng như bị đơn trình bày. Trong đó, số tiền 2.000.000.000 đồng là tiền của bà F cho ông B vay hay cho ông P vay để làm cơ sở giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[2] Xét Giấy nhận tiền ngày 13/3/2009, ông B thừa nhận chữ ký và chữ viết là của ông với nội dung: "*Ngày 13/3/2009. Nhận tiền cô F trả nợ vay 5.300.000.000 đồng - nợ gốc tôi vay nóng giúp. Số tiền tôi nhận là: 2.272.250.000 đồng*". Căn cứ Bản tự khai ngày 05/8/2009 (Bút lục 142), ông B trình bày: "*Ngày 13/3/2009, F điện thoại tôi tới nhà nhận tiền trả nợ, khi đó F đòi trừ số tiền ông P vay đã trả nợ gốc được 1.000.000.000 đồng, tính cả gốc lẫn lãi (tiền lãi 0,4%/ngày tính từ 15/5/2008 tới 13/3/2009 là 303 ngày) và đã đối trừ 3.400.000.000 đồng. Khi đó tôi đã không đồng ý và yêu cầu F phải trả hết nợ vì ông M cần tiền, tôi đã ký nhận số tiền là 2.272.250.000 đồng*", đủ cơ sở xác định Giấy nhận tiền ngày 13/3/2009 ông B có biết nội dung cấn trừ số tiền 2.000.000.000 đồng như phía bị đơn trình bày.

[3] Căn cứ Bản tự khai ngày 05/8/2009 của nguyên đơn ông B, có nội dung: "*Việc ông P vay tiền của F như sau: Đầu năm 2008, F và ông A1 đã nhiều lần đến cơ sở làm ăn của P ở tỉnh X...lúc đó F có nhờ tôi vay giúp bên ngoài, khi có tiền F sẽ đưa sau và ngày 15/5/2008, F có đưa tôi 2.000.000.000 đồng cho ông P vay để trừ số tiền đã vay...*". Tại phiên tòa phúc thẩm ông B cũng thừa nhận chính ông là người nhận số tiền 2.000.000.000 đồng của bà F vào ngày 15/5/2008.

[4] Nguyên đơn cho rằng khoản tiền 2.000.000.000 đồng tại Giấy biên nhận ngày 13/3/2009 là số tiền của bà F cho ông P vay, căn cứ vào thừa nhận của ông P, Giấy vay tiền do ông P ký xác nhận ghi tháng 4 năm 2008 nhưng không có chữ ký của bà F và không được bà F thừa nhận, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nào khác. Việc ông B và ông P cho rằng bà F cho ông P vay 1.900.000.000 đồng, đồng thời cung cấp Giấy vay

tiền mà ông P vay của ông B 1.900.000.000 đồng, là có mâu thuẫn với số tiền 2.000.000.000 đồng mà ông B xác định đã nhận từ bà F, mâu thuẫn với nội dung được đối trừ trong Giấy nhận tiền ngày 13/3/2009. Do đó có đủ cơ sở xác định bà F không cho ông P vay số tiền 1.900.000.000 đồng như trình bày của nguyên đơn; số tiền 2.000.000.000 đồng ghi trong Giấy nhận tiền ngày 13/3/2009 không liên quan đến ông P.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bà F không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc cho ông B vay số tiền 2.000.000.000 đồng và tại Giấy nhận tiền ngày 13/3/2009 mà ông B ký nhận không thể hiện nội dung cấn trừ số tiền 2.000.000.000 đồng, nhưng không nêu được lý do chính đáng để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở vững chắc như đã nhận định ở trên.

[6] Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ xác định trong quá trình làm ăn giữa ông B, bà F có quan hệ vay mượn tiền qua lại, cụ thể là ngày 15/5/2008 bà F có cho ông B vay 2.000.000.000 đồng, ngày 17/02/2009 bà F vay của ông B số tiền 5.300.000.000 đồng. Ngày 13/3/2009 hai bên đã đối trừ công nợ lẫn nhau và số tiền còn lại 2.272.250.000 đồng mà bà F đã thanh toán cho ông B được xem là hai bên đã giải quyết xong công nợ. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[7] Xét thấy trong vụ án này, các bên đương sự thỏa thuận mức lãi suất 0,4% đến 0,45%/ngày là vượt quá quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn thiếu trong khoản nợ 5.300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật tính trên số tiền chưa thanh toán. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì lý do đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán, việc Tòa án tính lại lãi suất đối với số tiền mà các bên đã thỏa thuận xong trước đó là vượt quá yêu cầu khởi kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù nguyên đơn đã rút bớt một phần yêu cầu khởi kiện nhưng không được bị đơn đồng ý, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn thanh toán số tiền 3.928.503.313 đồng nhưng không được bị đơn đồng ý. Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu

án phí dân sự sơ thẩm là 113.833.537 đồng, được tính trên số tiền nguyên đơn yêu cầu tại Tòa án cấp sơ thẩm là 5.833.537.000 đồng.

Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn bà F không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà F.

Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 276/2016/DS-ST ngày 07/11/2016 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

Áp dụng Điều 5; Điều 6; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 79; Điều 91; Điều 92; Điều 94; Điều 95; Điều 147; Điều 148; Điều 184; Điều 227; Điều 228; Điều 244 và Điều 245 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B về việc buộc bị đơn bà F thanh toán số nợ gốc là 3.027.750.000 (*Ba tỷ không trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng và tiền lãi phát sinh là 2.805.787.000 (*Hai tỷ tám trăm lẻ năm triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn)* đồng, tổng cộng là 5.833.537.000 *(Năm tỷ tám trăm ba mươi ba triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn)* đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông M về việc buộc bị đơn bà F thanh toán lại số tiền là 3.027.750.000 (*Ba tỷ không trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất của Ngân hàng.

Nguyên đơn ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.833.537 (*Một trăm mười ba triệu tám trăm ba mươi ba nghìn năm trăm ba mươi bảy*) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.360.000 (*Mười bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 009891 ngày

29/9/2009 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông B còn phải nộp thêm số tiền là 99.473.537 (*Chín mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm ba mươi bảy*) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho ông M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.955.000 (*Mười sáu triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 009676 ngày 18/6/2009 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm bị đơn không phải chịu, bà F được nhận lại số tiền 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 07199 ngày 23/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Toà án nhân dân Quận A;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận A;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Kim Anh**